TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HC-PT
Ngày: 22/02/2024
V/v: "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**

Ông **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 261/2023/TLPT-HC ngày 30 tháng 10 năm 2023 về *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 121/2023/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 105/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Phạm Văn T; địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện của người khởi kiện: ông Nguyễn Đình C; địa chỉ: TDP F, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Khu T, huyện C, Đắk Lắk, đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Phú H - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: ông Đặng Văn P - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lương Thị Hồng T1; địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông*** Phạm Văn T ***và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông*** Nguyễn Đình C ***trình bày:***

Năm 1992, ban tự quản thôn (trực thuộc xã E, huyện K) có chủ trương bán đất dằm chợ nên anh của tôi là ông Phan Thanh M tiến hành mua 01 lô và bố anh M là ông Phan Văn T2 mua 01 lô đất tại thôn A, xã C (cũ là xã E) với giá 30.000 đồng/lô, diện tích mỗi lô là 30m^2. Sau khi nhận chuyển nhượng ông M tiến hành làm nhà để sinh sống ổn định từ năm 1992.

Năm 1999 do không sử dụng nữa nên vợ chồng ông M, bà T3 chuyển nhượng lại 01 lô đất cho bà Lương Thị Hồng T4 (chị vợ ông T). Sau đó, vợ chồng ông T từ quê Quảng Ngãi vào Đắk Lắk sinh sống và nhận chuyển nhượng lại diện tích đất của những người trên, sử dụng ổn định đến nay. Việc chuyển nhượng qua các thời kỳ được chính quyền địa phương xác nhận.

Hàng năm, gia đình ông T đều thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nhà đất cho nhà nước. Năm 2010, gia đình được cấp sổ hộ khẩu ở tại diện tích đất này. Đất gia đình ông T quản lý, sử dụng có nguồn gốc rõ ràng, cụ thể năm 1992 mua từ ban tự quản thôn thuộc UBND xã E (nay là xã C). Tiếp đến việc chuyển nhượng qua các thời kỳ đều được chính UBND xã C xác nhận (sau khi UBND xã C được thành lập năm 1993). Trong quá trình quản lý, sử dụng đã làm nhà ở ổn định mà chính quyền địa phương không có ý kiến gì, không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng.

Ngày 15/8/2022, UBND xã C ban hành thông báo số 60/TB-UBND v/v buộc gia đình ông T có nghĩa vụ tháo dỡ nhà, trả lại hiện trạng đất mà không hề có chính sách định cư mới, hỗ trợ bồi thường là hoàn toàn không đúng pháp luật. Do đó, vợ chồng ông T đã thực hiện việc khiếu nại thông báo giải phóng mặt bằng, các công trình trên đất của UBND xã C nhằm đòi lại quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nhưng trong quá trình thực hiện khiếu nại, gia đình ông T mới được UBND xã thông báo diện tích đất mà gia đình ông đang quản lý, sử dụng đã được UBND tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận QSD đất cho UBND xã C để thực hiện xây dựng khu chợ vào năm 2009.

Ngày 22/8/2022, gia đình ông T có đơn khiếu nại gửi các cơ quan có thẩm quyền xem xét đối với Thông báo số 60 ngày 15/8/2022 của UBND xã C. Ngày 30/8/2022, ông T làm đơn khiếu nại gửi các cơ quan nhưng đến ngày 12/9/2022 UBND xã C mới mời ông T lên làm việc. Ngày 17/9/2022, ông T nhận được thông báo số 145/TB-UBND ngày 14/9/2022 của UBND xã C về việc giải quyết đơn khiếu nại nhưng sau đó thu hồi vì chưa đúng thủ tục. Ngày 04/10/2022 UBND xã C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 225/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại lần đầu. Theo nội dung giải quyết khiếu nại, ông T không đồng ý và tiếp tục khiếu nại lần hai. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 4558/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện C đã bác đơn

khiếu nại của vợ chồng ông T. Theo nội dung giải quyết khiếu nại ông T không đồng ý, vì:

Việc UBND xã xác định diện tích đất của gia đình ông T đã được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận QSD đất số AP 138872 đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19, ngày 19/11/2009 cho UBND xã C, việc này các hộ dân hoàn toàn không biết. Các tài sản trên đất của các hộ dân vẫn hiện hữu trước ngày UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận QSD đất cho UBND xã (năm 2009). Vậy khi cấp QSD đất đã xem xét đến quyền lợi của người đang sử dụng đất hay chưa? UBND xã cho rằng năm 1993 UBND xã cho thuê mỗi sạp chợ 30.000 đồng là hoàn toàn không đúng, việc thuê hay mua chưa được làm rõ.

Diện tích đất trên gia đình ông T sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng qua các thời kỳ, sử dụng ổn định liên tục từ năm 1992. Đồng thời việc chuyển nhượng qua các thời kỳ được UBND xã xác nhận. Trong quá trình xây dựng các công trình gia đình ông T không bị xử phạt vi phạm hành chính. Việc UBND xã cho rằng tạo điều kiện cho các hộ dân xây dựng để ổn định cuộc sống là không đúng. Bản chất các hộ gia đình khiếu nại liên quan đến việc tháo dỡ công trình trên đất (tài sản không thể di dời).

Đối với diện tích đất của gia đình ông T thể hiện mua bán từ năm 1992, nếu có việc thuê tại sao không ghi thời hạn thuê. Như vậy, từ năm 1992 các hộ dân đã quản lý, sử dụng (sử dụng trước ngày 15/10/1993), khi xây dựng công trình trên đất không bị chính quyền địa phương xử phạt, buộc tháo dỡ… Năm 2009, UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận QSD đất cho UBND xã đã không tiến hành thu hồi đất của các hộ dân đang quản lý, sử dụng, không thực hiện việc giải tỏa các công trình trên đất… Như vậy, tính đến tháng 8/2022 khi U Thông báo số 60 thì các hộ dân mới biết việc UBND xã được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận QSD đất. Do đó, để có điều kiện cho gia đình ông T khiếu nại việc UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận QSD đất cho UBND xã năm 2009 nên gia đình ông T mới khiếu nại Thông báo số 60 ngày 15/8/2022 của UBND xã C. Hiện gia đình ông T đã làm đơn khiếu nại UBND tỉnh Đ, lẽ ra UBND huyện C cần hướng dẫn và có văn bản tạm dừng việc tháo dỡ công trình, chờ kết quả giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh nhưng UBND huyện vẫn ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 15.000.000 đồng đối với gia đình ông T và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T.

Vì vậy, ông T khởi kiện đề nghị TAND tỉnh Đắk Lắk giải quyết: Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 4558/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện C.

**** Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch*** Ủy ban nhân dân huyện C **-** ***ông*** Lê Phú H ***trình bày:***

Chủ tịch UBND huyện C nhận được nội dung khiếu nại của ông Phạm Văn T, cư trú tại thôn A, xã C, huyện C ngày 24/10/2022. Sau khi xem xét nội dung khiếu nại Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành thông báo số 103/TB-UBND ngày 24/3/2022 v/v thụ lý đơn khiếu nại lần đầu và giao cơ quan Thanh tra

huyện tiến hành thu thập hồ sơ, tài liệu và thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại. Đến ngày 06/12/2022 Thanh tra huyện ban hành báo cáo số 43/BC-TTr về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của công dân (lần 2).

Trên cơ sở xem xét các hồ sơ, tài liệu có liên quan và kết quả thẩm tra, xác minh của cơ quan Thanh tra huyện, Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 4558/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 v/v giải quyết khiếu nại của ông T (lần 2). Với các căn cứ:

Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19 tại xã C từ năm 1988 đến nay được quy hoạch là đất chợ (đất chuyên dùng), đến ngày 19/11/2009 UBND tỉnh Đ đã cấp giấy chứng nhận QSD đất số AP 138872 cho UBND xã C. Do đó thửa đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của UBND xã C. Việc UBND xã ban hành Thông báo số 60/TB-UBND ngày 15/8/2020 v/v giải phóng mặt bằng các công trình trên thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19 thuộc đất chợ xã C là đúng thẩm quyền, đúng nội dung, mục đích theo chủ trương của Đảng và UBND để tiến hành thực hiện dự án đầu tư xây dựng chợ xã, phục vụ cho lợi ích chung của cộng đồng.

Việc ông T cho rằng UBND xã C không có chính sách hỗ trợ tài sản trên đất khi giải phóng mặt bằng là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Việc ông Nguyễn Đình C (người được ủy quyền của ông T) cho rằng để giải quyết sự việc cần tiến hành xem xét đến trình tự thu hồi, giải tỏa đất đối với các công trình trên đất trước khi UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận QSD đất cho UBND xã C. Nội dung này thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Trong công tác quản lý, sử dụng đất Chủ tịch UBND xã qua các thời kỳ đã buông lỏng quản lý để cho các hộ gia đình, cá nhân lấn chiếm đất đai xây dựng nhà ở trên đất do UBND xã quản lý trong một thời gian dài, nhưng không được phát hiện để ngăn chặn kịp thời và xử lý theo quy định của pháp luật. Việc cán bộ địa chính và lãnh đạo UBND xã trước đây xác nhận việc sang nhượng "đất dằm chợ" cho các hộ dân là sai quy định của pháp luật, cần phải nghiêm túc kiểm điểm, rút kinh nghiệm.

Từ các căn cứ trên, Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Quyết định không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Phạm Văn T.

Việc Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 4558/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 v/v giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Văn T là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Vì vậy, đề nghị Tòa án căn cứ hồ sơ, tài liệu giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà*** Lương Thị Hồng T1 ***trình bày:***

Bà T1 là vợ của ông Phạm Văn T, về quá trình nhận chuyển nhượng và sử dụng đất của gia đình bà đúng như lời khai của ông T, bà đồng ý không bổ sung gì thêm.

Do không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện C nên ông T khởi kiện đề nghị TAND tỉnh Đắk Lắk giải quyết: Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 4558/QĐ-UBND ngày 30/12/2022. Bà đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 121/2023/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng khoản 2 phần I Quyết định số 201/QĐ-HĐCP ngày 01/7/1980 của Hội đồng chính phủ; Điều 1, Điều 13 của Luật đất đai năm 1987; Điều 4 Nghị định số 30/NĐ-HĐBT/1989 ngày 23/3/1989 của Hội đồng bộ trưởng về việc hướng dẫn thi hành luật đất đai năm 1987;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Phạm Văn T về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 4558/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/8/2023, người khởi kiện ông Phạm Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 4558/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 121/2023/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền: ông Phạm Văn T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 4558/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn T ***thì thấy:***

Quyết định số 4558/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn T với lý do:

Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19 tại xã C từ năm 1988 đến nay được quy hoạch là đất chợ (đất chuyên dùng). Ngày 19/11/2009 UBND tỉnh Đ đã cấp giấy chứng nhận QSD đất số AP 138872 cho UBND xã C nên việc UBND xã ban hành Thông báo số: 60/TB-UBND ngày 15/8/2020 để giải phóng mặt bằng các công trình trên thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19 là đúng thẩm quyền để tiến hành thực hiện dự án đầu tư xây dựng chợ xã, phục vụ cho lợi ích chung của cộng đồng.

Ông Phạm Văn T cho rằng nguồn gốc đất nêu trên là do nhận chuyển nhượng lại diện tích đất của người khác đã sử dụng ổn định từ năm 1992 cho đến nay. Đồng thời, Việc chuyển nhượng qua các thời kỳ được chính quyền địa phương xác nhận nên đề nghị Tòa án hủy quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên. HĐXX thấy rằng:

Chợ C1 được quy hoạch từ năm 1988, phần đất có nguồn gốc của ông Phạm Văn Đ và ông Phạm Văn L. Đến năm 1993 thì thành lập UBND xã C và đến năm 1998 Sở địa chính tỉnh Đắk Lắk phê duyệt thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19 và quy hoạch là đất chuyên dùng (đất chợ). Về quyền sử dụng thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19 của ông Phạm Văn T xuất phát từ việc vợ chồng ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Phan Văn T2 và bà Lương Thị Hồng T4 nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên, diện tích đất này người sử dụng đầu tiên là ông Nguyễn Đức N. Quá trình sử dụng đất, năm 2009 ông N có thực hiện việc thi công xây dựng sửa chữa và bị UBND xã C yêu cầu ngừng thi công công trình do vi phạm trật tự xây dựng vì diện tích thuộc đất chuyên dùng. Sau đó đến ngày 05/8/2009, ông N đã có biên bản cam kết, nội dung: "*Xin chính quyền địa phương cho phép được xây dựng nhà bếp diện tích 11,2m^2 trên thửa đất này và cam kết khi giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình của nhà nước thì gia đình ông sẽ tự nguyện tháo dỡ công trình trả lại diện tích đất trên cho nhà nước*". Do đó, khi ông N chuyển nhượng căn nhà cho vợ chồng ông T, bà T1 thì trách nhiệm phá dỡ công trình bàn giao đất cho UBND xã để xây dựng chợ xã C thuộc về ông T, bà T1.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tình chất khách quan khách quan của vụ án và bác đơn yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không có tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T, giữ nguyên án sơ thẩm.

[2.2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Văn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã đóng theo biên lai thu số 0004058 ngày 29/8/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[2.3] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

***Tuyên xử*:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 121/2023/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 củaTòa án nhân dân tỉnh Đ.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Văn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã đóng theo biên lai thu số 0004058 ngày 29/8/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tối cao;*
- *VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *TAND và VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án; PHCTP,* LT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tồn